TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 107/2023/HNGĐ-ST Ngày: 14/9/2023 V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tưởng

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 thàng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1989
HKTT: Thôn V, xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Mai Đức Bảy, sinh năm 1982
Nơi cư trú cuối cùng: Thôn V, xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị C, vắng mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Đức B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại Thôn V, xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc hòa thuận, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Đến tháng 6 năm 2017, anh B bỏ nhà đi,

không nói với gia đình là đi đâu làm gì, từ đó đến nay anh B không trở về và không liên lạc gì với gia đình, vợ con. Chị và gia đình đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm nhiều nơi qua người thân, bạn bè của anh B, nhắn tin trên thông tin đại chúng nhưng không có kết quả. Do đó Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Mai Đức B mất tích. Tại Quyết định số 06/2023/QĐST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố anh Mai Đức B mất tích. Từ đó đến nay vẫn không có tin túc gì của anh B. Vì vậy đề nghị Tòa án cho Chị được ly hôn với anh Mai Đức B.

- Về con chung: Chị Lê Thị C và anh Mai Đức B có 01 con chung là cháu Mai An N, sinh ngày 17/10/2016. Nguyện vọng của chị C khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; Không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị Lê Thị C không yêu cầu giải quyết.

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị C, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Trưởng thôn V xác nhận: Chị C và anh B sau khi kết hôn chung sống tại Thôn V, xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, chị C và anh B có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Anh B đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2020 đến nay không trở về địa phương cũng không liên lạc với gia đình. Chị C đã tìm kiếm nhưng không có kết quả. Tòa án đã tuyên bố anh B mất tích. Hiện nay anh B đi đâu, làm gì địa phương không nắm được.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn là anh Mai Đức B vắng mặt do đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thực hiện các thủ tục tống đạt và niêm yết công khai văn bản tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51; Khoản 2 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị lê Thị C.

Về con chung: Giao cháu Mai An N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Mai Đức B có hộ khẩu thường trú trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Thanh Hóa.

Bị đơn là anh Mai Đức B đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thực hiện các thủ tục tống đạt và niêm yết công khai văn bản tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh Bảy theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị C và anh Mai Đức B kết hôn năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Đến cuối năm 2017, anh B bỏ đi khỏi nhà, không nói với gia đình là đi đâu làm gì, từ đó đến nay không trở về và không liên lạc gì với gia đình, vợ con. Hiện nay anh B đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định của Tòa án.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh B đã không có trách nhiệm với gia đình, bỏ nhà đi không quan tâm đến vợ, con. Do đó mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Mai Đức B là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị Lê Thị C và anh Mai Đức B có 01 con chung là cháu Mai An N, sinh ngày 17/10/2016. Nguyện vọng của chị C khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B hiện đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định của Tòa án, không tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến về con chung. Từ khi anh B bỏ đi đến nay, cháu N ở với chị C, do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh B không liên lạc hay quan tâm đến con chung. Chị C có khả năng lao động và có điều kiện để chăm sóc con, do đó việc giao cháu N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị C**.** Nếu anh B trở về, anh B có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có yêu cầu.

[4] *Về tài sản:* Chị Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị Lê Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; Khoản 2 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị C được ly hôn anh Mai Đức B.

Về con chung: Công nhận chị Lê Thị C và anh Mai Đức B có 01 con chung là cháu Mai An N, sinh ngày 17/10/2016. Giao cháu N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; Anh B không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Mai Đức B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Giành quyền cho anh Bảy được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu.

Về tài sản: Chị Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên laisố AA/2021/0003156 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. (Chị C đã nộp đủ án phí).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Trương Thị Anh